

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng đầu VIPCO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Trung	Ủy viên (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 11 năm 2014)
Ông Phạm Văn Vinh	Ủy viên
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Ủy viên
Ông Mai Thế Cung	Ủy viên
Ông Vũ Đình Hiền	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 3 tháng 12 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 11 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 3 năm 2014)
Ông Vũ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Hiền	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Vinh

Phạm Văn Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: 751/VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 01-DN	
			31/12/2014	31/12/2013
				Đơn vị: VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		353.796.285.696	195.661.757.792
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	176.538.327.693	15.691.294.920
1. Tiền	111		9.538.327.693	1.691.294.920
2. Các khoản tương đương tiền	112		167.000.000.000	14.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	70.716.797.200	80.537.597.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121		73.227.126.414	83.227.126.414
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.510.329.214)	(2.689.528.514)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.786.164.628	48.292.137.268
1. Phải thu khách hàng	131		43.028.966.000	19.824.837.905
2. Trả trước cho người bán	132		386.536.500	4.111.858.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	19.015.666.169	20.278.135.035
4. Các khoản phải thu khác	135	8	39.384.495.226	41.606.805.595
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(37.029.499.267)	(37.529.499.267)
IV. Hàng tồn kho	140	9	37.947.096.631	48.455.311.308
1. Hàng tồn kho	141		45.434.646.054	55.942.860.731
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.487.549.423)	(7.487.549.423)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.807.899.544	2.685.416.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.507.065.390	259.661.061
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.300.834.154	2.425.755.335
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1.404.543.895.644	1.530.767.121.302
I. Tài sản cố định	220		1.008.135.447.940	1.265.027.272.479
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	877.260.177.601	1.023.362.041.745
- Nguyên giá	222		2.002.878.607.011	2.002.878.607.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.125.618.429.410)	(979.516.565.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.877.920	53.877.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.877.920)	(53.877.920)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	130.875.270.339	241.665.230.734
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		395.073.456.589	265.268.374.122
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	216.000.000.000	216.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	203.000.000.000	68.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	60.390.000.000	60.390.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(84.316.543.411)	(79.121.625.878)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.334.991.115	471.474.701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.814.165	471.474.701
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.331.176.950	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.758.340.181.340	1.726.428.879.094

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		742.910.448.800	749.906.691.107
I. Nợ ngắn hạn	310		396.641.763.800	230.764.378.607
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	149.610.247.500	169.325.048.041
2. Phải trả người bán	312		7.211.499.023	31.399.630.874
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	57.935.164.957	7.244.173.851
5. Phải trả người lao động	315		7.932.900.296	8.075.102.246
6. Chi phí phải trả	316	19	4.424.560.437	5.356.259.248
7. Phải trả nội bộ	317		1.599.975.053	5.313.760.920
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	164.735.643.762	1.191.334.081
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.191.772.772	2.859.069.346
II. Nợ dài hạn	330		346.268.685.000	519.142.312.500
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	346.268.685.000	519.142.312.500
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		1.015.429.732.540	976.522.187.987
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.015.429.732.540	976.522.187.987
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		639.934.000.000	598.077.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.571.969.722	7.571.969.722
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		259.947.938.686	301.804.088.686
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		37.914.013.322	36.132.972.377
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.061.810.810	32.935.307.202
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.758.340.181.340	1.726.428.879.094
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại			544,00	853,34



Phạm Văn Vinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Yến
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	452.803.270.954	512.812.723.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		452.803.270.954	512.812.723.964
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	321.191.531.466	354.982.081.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		131.611.739.488	157.830.642.324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.622.250.014	12.041.060.347
7. Chi phí tài chính	22	27	43.021.250.591	81.011.957.240
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.020.424.455	43.915.110.955
8. Chi phí bán hàng	24		-	115.450.624
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.252.985.165	46.745.090.628
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		69.959.753.746	41.999.204.179
11. Thu nhập khác	31		352.803.138.581	259.658.492.272
12. Chi phí khác	32		140.592.071.369	113.332.462.746
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	212.211.067.212	146.326.029.526
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		282.170.820.958	188.325.233.705
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	61.250.407.899	54.274.406.992
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		220.920.413.059	134.050.826.713



Phạm Văn Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Yến
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	282.170.820.958	188.325.233.705
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	146.101.864.144	148.849.557.515
Các khoản dự phòng	03	4.515.718.233	44.368.253.874
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04 05	7.363.349.781 (217.256.128.998)	9.302.972.513 (158.511.464.054)
Chi phí lãi vay	06	30.020.424.455	43.915.110.955
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	252.916.048.573	276.249.664.508
Thay đổi các khoản phải thu	09	(51.347.847.089)	56.923.548.102
Thay đổi hàng tồn kho	10	10.467.219.285	(1.633.706.759)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.279.873.376)	(76.518.461.872)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.779.743.793)	1.013.401.400
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.102.920.821)	(50.510.071.864)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.620.672.852)	(49.094.216.333)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	500.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.541.106.530)	(3.882.853.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	140.711.103.397	153.047.303.847
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(29.299.419.715)	(24.187.040.719)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	250.000.000.000	83.516.621.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(33.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	80.000.000.000	40.000.776.175
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.320.845.410	11.139.706.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	238.021.425.695	77.470.063.501
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	5.144.584.305
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	110.923.426.061	98.422.857.431
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(310.894.316.602)	(313.739.470.220)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.934.648.940)	(17.781.914.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(217.905.539.481)	(227.953.942.554)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	160.826.989.611	2.563.424.794
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.691.294.920	13.127.784.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	20.043.162	85.383
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	176.538.327.693	15.691.294.920

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP thông qua bù trừ với số tiền phải thu về chuyển nhượng công trình Cảng Xanh Đình Vũ với số tiền là 135.000.000.000 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần “thay đổi các khoản phải thu” và “tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.



Phạm Văn Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Yến
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy 1. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 7 năm 2014.

Ngày 06 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thực hiện phát hành thêm 4.185.615 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 41.856.150.000 đồng, nâng vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi phát hành lên thành 639.934.000.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex, nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận niêm yết và phát hành cổ phiếu ra công chúng. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VIP.

Hoạt động chính

- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển, khai thuê hải quan;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng;
- Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu và các thiết bị sử dụng gas hóa lỏng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản (nhà cửa, kho tàng) và vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan, cho thuê thuyền viên, dịch vụ du lịch và kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Công văn số 2464/BTC-TCDN ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	22.916.324	105.732.200
Tiền gửi ngân hàng	9.515.411.369	1.585.562.720
Các khoản tương đương tiền (*)	167.000.000.000	14.000.000.000
	176.538.327.693	15.691.294.920

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.227.126.414	3.227.126.414
Đầu tư ngắn hạn khác	70.000.000.000	80.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.510.329.214)	(2.689.528.514)
	70.716.797.200	80.537.597.900

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCOSố 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO	19.015.666.169	20.278.135.035
	19.015.666.169	20.278.135.035

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu Trường cao đẳng Nghề Duyên Hải (i)	18.366.499.267	18.366.499.267
Phải thu Công ty TNHH TMDV SX Thiên Lộc Phú (ii)	18.663.000.000	19.163.000.000
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.000.000	1.071.000.000
Phải thu Pjico Hải Phòng	-	2.289.581.380
Phải thu khác	1.283.995.959	716.724.948
	39.384.495.226	41.606.805.595

- (i) Phải thu Trường cao đẳng Nghề Duyên Hải thể hiện giá trị gốc vay và lãi vay dự thu từ công ty con là Trường Cao đẳng Nghề Duyên Hải với số tiền lần lượt là 13.700.000.000 đồng và 4.666.499.267 đồng. Khoản vay này đã hết hạn từ đầu năm 2013 và không được gia hạn thêm. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty đã ngừng tính lãi đối với khoản cho vay này từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.366.499.267 đồng, tương ứng 100% số dư phải thu về gốc và lãi vay này.
- (ii) Số dư phải thu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú thể hiện khoản ký quỹ Công ty đã chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú để đặt cọc đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/04/HTĐT/2008 ngày 01 tháng 4 năm 2008 và Biên bản thỏa thuận số 01/HD/VIPCO-TLP ngày 05 tháng 4 năm 2008 giữa 2 công ty. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi cho Công ty bắt đầu từ tháng 4 năm 2008. Công ty đã thu hồi được 500 triệu đồng trong năm 2014. Trong năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với 100% giá trị khoản phải thu từ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú với số tiền là 19.163.000.000 đồng và hoàn nhập dự phòng 500 triệu đồng trong năm 2014. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc trích lập dự phòng này phù hợp với các quy định hiện hành.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.827.757.447	55.328.731.344
Công cụ, dụng cụ	606.888.607	614.129.387
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45.434.646.054	55.942.860.731
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.487.549.423)	(7.487.549.423)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	37.947.096.631	48.455.311.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCOSố 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	1.280.834.154	1.094.479.185
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	1.331.276.150
<i>Trong đó:</i>		
Ký quỹ mở LC	-	1.311.276.150
Ký quỹ khác	20.000.000	20.000.000
	1.300.834.154	2.425.755.335

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	325.266.551	1.440.065.802	1.999.698.363.236	1.414.911.422	2.002.878.607.011
Tại ngày 31/12/2014	325.266.551	1.440.065.802	1.999.698.363.236	1.414.911.422	2.002.878.607.011
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	263.465.964	1.110.258.920	977.382.960.620	759.879.762	979.516.565.266
Khấu hao trong năm	27.105.552	154.467.465	145.667.547.715	252.743.412	146.101.864.144
Tại ngày 31/12/2014	290.571.516	1.264.726.385	1.123.050.508.335	1.012.623.174	1.125.618.429.410
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	34.695.035	175.339.417	876.647.854.901	402.288.248	877.260.177.601
Tại ngày 31/12/2013	61.800.587	329.806.882	1.022.315.402.616	655.031.660	1.023.362.041.745

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 323.656.389.676 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.272.980.397 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp các tàu vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 876.427.719.294 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.021.864.057.717 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCOSố 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình Cảng Đình Vũ (i)	-	138.493.596.066
Công trình Tòa nhà 37 Phan Bội Châu	117.709.838.978	90.006.203.307
Hệ thống xếp xe tự động cho Tòa nhà 37 Phan Bội Châu	11.572.626.150	11.572.626.150
Cửa hàng Xăng dầu Anh Dũng	1.450.080.000	1.450.080.000
Khác	142.725.211	142.725.211
	<u>130.875.270.339</u>	<u>241.665.230.734</u>

- (i) Như trình bày ở Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng Dự án Cảng Xanh - Đình Vũ cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Toàn bộ chi phí liên quan đến dự án này được Công ty kết chuyển vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2014 VND</u>	<u>Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2013 VND</u>
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	Quảng Ninh	100%	100%	Kinh doanh xăng dầu và vận chuyển	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Vipco	Hải Phòng	100%	100%	Kinh doanh bất động sản	132.500.000.000	132.500.000.000
Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco	Hải Phòng	100%	100%	Kinh doanh dịch vụ cho thuê thuyền viên	7.500.000.000	7.500.000.000
Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải	Hải Phòng	70%	70%	Đào tạo nghề	21.000.000.000	21.000.000.000
					<u>216.000.000.000</u>	<u>216.000.000.000</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	68.000.000.000	68.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	135.000.000.000	-
	<u>203.000.000.000</u>	<u>68.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	45,1%	Kinh doanh vận tải
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	30,00%	Bốc xếp hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCOSố 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ Phần An Phú	56.160.000.000	56.160.000.000
Góp vốn vào dự án kho bãi trung chuyển hàng hóa tại Cái Lân	4.230.000.000	4.230.000.000
	60.390.000.000	60.390.000.000

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	17.625.721.880	12.707.735.591
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	12.617.221.531	12.340.290.287
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (i)	54.073.600.000	54.073.600.000
	84.316.543.411	79.121.625.878

- (i) Phản ánh dự phòng giảm giá trích lập cho khoản đầu tư mua 652.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú với số tiền 54.073.600.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 54.073.600.000 đồng). Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào giá giao dịch trung bình cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, mặc dù khoản đầu tư được ghi nhận là đầu tư dài hạn, tuy nhiên, do Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần An Phú để làm cơ sở đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư, nên để đảm bảo tính thận trọng kế toán, Công ty đã thu thập báo giá từ ba công ty chứng khoán để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị dự phòng đã trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh đầy đủ rủi ro có thể phát sinh do sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	13.171.860.541
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	149.610.247.500	156.153.187.500
	149.610.247.500	169.325.048.041

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.286.949.536	790.568.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.083.339.937	6.453.604.890
Thuế thu nhập cá nhân	564.875.484	-
	57.935.164.957	7.244.173.851

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.766.360.795	3.495.907.161
Các chi phí khác	1.658.199.642	1.860.352.087
	4.424.560.437	5.356.259.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	2.176.772	8.413.542
Kinh phí công đoàn	-	217.911.437
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	160.077.550.230	86.363.670
Nhận ứng trước hợp đồng chuyển nhượng đường gom cảng Đình Vũ	3.950.111.013	-
Các khoản phải trả khác	705.805.747	878.645.432
	164.735.643.762	1.191.334.081

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	495.878.932.500	675.295.500.000
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(149.610.247.500)	(156.153.187.500)
	346.268.685.000	519.142.312.500

Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 01/HĐTH/NHHB ngày 02 tháng 01 năm 2007. Mục đích của khoản vay là đầu tư mua tàu Petrolimex 10, thời hạn vay là 9 năm 10 tháng từ tháng 6 năm 2007. Lãi suất áp dụng là Sibor USD 6 tháng + 2,00%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6.629.000 USD tương đương với 141.893.745.000 đồng (bao gồm cả vay dài hạn đến hạn trả).

Ngày 09 tháng 7 năm 2009, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi lãi suất với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex để phòng ngừa rủi ro lãi suất cho Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTH/NHHB ngày 02 tháng 01 năm 2007. Theo đó, thay vì phải trả lãi theo lãi suất biến đổi, Công ty sẽ trả lãi với mức lãi suất cố định cho hợp đồng nêu trên.

- Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ngân hàng tài trợ) theo Hợp đồng vay số 09/2009/VIPCO/HĐTDDH tháng 3 năm 2009. Mục đích của khoản vay là đầu tư mua tàu Petrolimex 15, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau bình quân của 2 ngân hàng cho vay + 2,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.197.500 USD tương đương với 111.252.487.500 đồng (bao gồm cả vay dài hạn đến hạn trả).

- Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ngân hàng đầu mối) và các ngân hàng tài trợ bao gồm: Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu, Ngân hàng TMCP Đại dương theo Hợp đồng vay số 08/2009/VIPCO/HĐTDDH ngày 03 tháng 4 năm 2009. Mục đích của khoản vay là đầu tư mua tàu Petrolimex 16, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất áp dụng là Sibor USD 6 tháng + 4,00%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 11.340.000 USD tương đương với 242.732.700.000 đồng (bao gồm cả vay dài hạn đến hạn trả).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Số 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	149.610.247.500	156.153.187.500
Trong năm thứ hai	149.610.247.500	156.153.187.500
Từ ba năm đến năm thứ năm	196.658.437.500	324.171.937.500
Sau năm năm	-	38.817.187.500
	495.878.932.500	675.295.500.000
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	149.610.247.500	156.153.187.500
Số phải trả sau 12 tháng	346.268.685.000	519.142.312.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Số 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	598.077.850.000	-	5.633.094.834	(3.205.709.417)	186.326.434.542	32.301.072.807	41.768.476.188	860.901.218.954				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	134.050.826.713	134.050.826.713				
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận	-	-	-	-	115.477.654.144	3.831.899.570	(119.309.553.714)	-				
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.284.330.000)	(5.284.330.000)				
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(17.797.018.500)	(17.797.018.500)				
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(493.093.485)	(493.093.485)				
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	1.938.874.888	3.205.709.417	-	-	-	5.144.584.305				
Số dư tại ngày 31/12/2013	598.077.850.000	-	7.571.969.722	-	301.804.088.686	36.132.972.377	32.935.307.202	976.522.187.987				
Tăng vốn trong kỳ (i)	41.856.150.000	-	-	-	(41.856.150.000)	-	-	-				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	220.920.413.059	220.920.413.059				
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	-	1.781.040.945	(1.781.040.945)	-				
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	-	(3.463.871.124)	(3.463.871.124)				
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	-	(177.925.835.500)	(177.925.835.500)				
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (ii)	-	-	-	-	-	-	(623.161.882)	(623.161.882)				
Số dư tại ngày 31/12/2014	639.934.000.000	-	7.571.969.722	-	259.947.938.686	37.914.013.322	70.061.810.810	1.015.429.732.540				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 94/VP-NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 22 tháng 5 năm 2014 về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, ngày 06 tháng 06 năm 2014, Công ty đã đăng ký phát hành thêm 4.185.615 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu với tỷ lệ phát hành là 100:07 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu của Công ty tại ngày cuối cùng chốt danh sách được chia 7 cổ phiếu mới). Theo Thông báo số 3617/UBCK-QLPH ngày 19 tháng 6 năm 2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận kết quả phát hành thành công cổ phiếu của Công ty là 4.185.615 cổ phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 41.856.150.000 đồng
- (ii) Phân phối lợi nhuận năm 2013 vào Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 71/VP-NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2014.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 71/VP-NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2014, Công ty chia cổ tức năm 2013 với số tiền 17.942.335.500 đồng. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 232/VP-NQ-ĐHCD ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 2.500 đồng/cổ phiếu. Tổng số tiền đã thanh toán cổ tức trong năm là 17.934.648.940 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày			
			31/12/2014	%	31/12/2013	%
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	326.385.350.000	51%	326.385.350.000	51%	305.033.040.000	51%
Các cổ đông khác	313.548.650.000	49%	313.548.650.000	49%	293.044.810.000	49%
	639.934.000.000	100%	639.934.000.000	100%	598.077.850.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	63.993.400	60.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	63.993.400	59.807.785

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	19.041.311.306	21.152.207.380
Doanh thu cung cấp dịch vụ	433.761.959.648	491.660.516.584
	452.803.270.954	512.812.723.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	18.491.084.425	20.988.395.945
Giá vốn cung cấp dịch vụ	302.700.447.041	334.017.391.599
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(23.705.904)
	321.191.531.466	354.982.081.640

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.362.764.164	69.478.499.480
Chi phí nhân công	51.490.688.046	45.850.894.857
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.101.864.144	148.849.557.515
Chi phí sửa chữa TSCĐ	57.346.344.440	40.472.520.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.344.017.277	55.038.288.341
Chi phí khác bằng tiền	2.307.754.135	21.188.172.357
	328.953.432.206	380.877.932.851

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.974.517.441	9.649.977.403
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.346.327.969	1.489.729.142
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	282.291.885	855.521.457
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.112.719	45.387.487
Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	444.858
	7.622.250.014	12.041.060.347

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	30.020.424.455	43.915.110.955
Trích lập dự phòng tài chính	5.015.718.233	25.228.959.778
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	-	37.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	602.645.403	2.519.489.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.382.462.500	9.348.360.000
	43.021.250.591	81.011.957.240

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCOSố 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2014	2013
	VND	VND
Chuyển nhượng Dự án Cảng Xanh - Đình Vũ (*)	350.000.000.000	-
Chuyển nhượng Cảng Nam Hải - Đình Vũ	-	259.420.000.000
Tiền bảo hiểm được bồi thường	1.879.659.490	-
Thu từ thanh lý vật tư trên tàu	65.659.090	97.927.272
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	140.565.000
Khác	857.820.001	-
Thu nhập khác	352.803.138.581	259.658.492.272
Chuyển nhượng Cảng Xanh - Đình Vũ (*)	140.089.380.110	-
Chuyển nhượng Cảng Nam Hải - Đình Vũ	-	112.048.650.348
Trả hộ thuế TNCN cho thuyền viên	-	-
Truy thu thuế	4.265.894	899.026.358
Chi phí thanh lý vật tư trên tàu	40.995.392	27.000.000
Khác	457.429.973	357.786.040
Chi phí khác	140.592.071.369	113.332.462.746
Lợi nhuận khác	212.211.067.212	146.326.029.526

(*) Ngày 05 tháng 11 năm 2014, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng (đã được công chứng) hệ thống cầu cảng, nhà kho cùng các vật kiến trúc khác được xây dựng trên diện tích 152.694,9 m² đất thuê, tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (gọi chung là Dự án Cảng Xanh - Đình Vũ) cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP với giá trị chuyển nhượng 350 tỷ đồng (chưa VAT). Ngày 10 tháng 11 năm 2014, Công ty ký biên bản bàn giao nguyên trạng và thực hiện Dự án Cảng Xanh - Đình Vũ cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Ngày 19 tháng 11 năm 2014, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP đã thanh toán toàn bộ tiền cho Công ty. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, mọi rủi ro liên quan đến việc bán Dự án Cảng Xanh - Đình Vũ đã được chuyển giao, thủ tục sang tên chủ sở hữu đã được hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	282.170.820.958	188.325.233.705
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.993.630.160)	(9.695.364.890)
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	233.754.200	20.117.144.353
Thu nhập chịu thuế	278.410.944.998	198.747.013.168
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.250.407.899	49.686.753.292
Điều chỉnh bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	4.587.653.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	61.250.407.899	54.274.406.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	495.878.932.500	688.467.360.541
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(176.538.327.693)	(15.691.294.920)
Nợ thuần	319.340.604.807	672.776.065.621
Vốn chủ sở hữu	1.015.429.732.540	976.522.187.987
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,31	0,69

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.538.327.693	15.691.294.920
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.716.797.200	80.537.597.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.383.961.959	23.902.144.233
Tài sản ngắn hạn khác	20.000.000	1.331.276.150
Đầu tư dài hạn khác	6.316.400.000	6.316.400.000
Tổng cộng	298.975.486.852	127.778.713.203
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	495.878.932.500	688.467.360.541
Phải trả người bán và phải trả khác	171.886.748.031	32.306.421.994
Chi phí phải trả	4.424.560.437	5.356.259.248
Tổng cộng	672.190.240.968	726.130.041.783

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	499.403.207.238	656.413.019.805	121.318.415	135.878.909
	499.403.207.238	656.413.019.805	121.318.415	135.878.909

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.992.818.888	6.562.771.409

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ biến động như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(7.079.703.750)
VND	-200	7.079.703.750
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(8.539.781.250)
VND	-200	8.539.781.250

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCOSố 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.538.327.693	-	-	176.538.327.693
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.716.797.200	-	-	70.716.797.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.383.961.959	-	-	45.383.961.959
Tài sản ngắn hạn khác	20.000.000	-	-	20.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	6.316.400.000	-	6.316.400.000
Tổng cộng	292.659.086.852	6.316.400.000	-	298.975.486.852
31/12/2014				
Các khoản vay	149.610.247.500	346.268.685.000	-	495.878.932.500
Phải trả người bán và phải trả khác	171.886.748.031	-	-	171.886.748.031
Chi phí phải trả	4.424.560.437	-	-	4.424.560.437
Tổng cộng	325.921.555.968	346.268.685.000	-	672.190.240.968
Chênh lệch thanh khoản thuần	(33.262.469.116)	(339.952.285.000)	-	(373.214.754.116)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.691.294.920	-	-	15.691.294.920
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.537.597.900	-	-	80.537.597.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.902.144.233	-	-	23.902.144.233
Tài sản ngắn hạn khác	1.331.276.150	-	-	1.331.276.150
Đầu tư dài hạn khác	-	6.316.400.000	-	6.316.400.000
Tổng cộng	121.462.313.203	6.316.400.000	-	127.778.713.203
31/12/2013				
Các khoản vay	169.325.048.041	480.325.125.000	38.817.187.500	688.467.360.541
Phải trả người bán và phải trả khác	32.306.421.994	-	-	32.306.421.994
Chi phí phải trả	5.356.259.248	-	-	5.356.259.248
Tổng cộng	206.987.729.283	480.325.125.000	38.817.187.500	726.130.041.783
Chênh lệch thanh khoản thuần	(85.525.416.080)	(474.008.725.000)	(38.817.187.500)	(598.351.328.580)

Mặc dù chênh lệch thanh khoản thuần âm, Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng rủi ro thanh khoản được duy trì ở mức thấp. Căn cứ trên kế hoạch sản xuất kinh doanh và dòng tiền trong tương lai, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong công nợ tài chính là các khoản vay với lịch trả nợ được xác định trước, theo đó, Công ty chủ động trong việc cân đối nguồn tài sản tài chính để trang trải các khoản công nợ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Số 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Phạm Văn Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Yên
Người lập biểu

